

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST

Ngày: 18-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Ông Trần Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2020/TLST-DS, ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-DS, ngày 15/10/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 07/2023/TB-TA ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-DS ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Ng, sinh năm 1977; Địa chỉ ấp Chông Mỹ, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; Địa chỉ ấp Minh Dũng, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (chết ngày 23/3/2021).

(Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T là bà Lưu Thị B, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Mạnh Th và ông Nguyễn Mạch H).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lưu Thị B (Búi), sinh năm 1958 (vợ ông T).

Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1980 (con ông T, bà B).

Ông Nguyễn Mạnh Th, sinh năm 1982 (con ông T, bà B).

Ông Nguyễn Mạch H, sinh năm 1986 (con ông T, bà B).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh Dũng, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (bà B, bà D, ông Thường, ông H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ng trình bày:

Ngày 01/11/2014 (âm lịch) ông Nguyễn Văn T có vay của ông Huỳnh Văn Ng số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng, sau khi vay thì ông T không trả gốc và lãi cho ông Ng, vì vậy khoảng tháng 10 năm 2019 ông Ng đã làm đơn khởi kiện ông T đến Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng. Khi Tòa án mời hai bên lên hòa giải thì ông T xin trả nợ dần cho ông Ng vì vậy ông Ng đã rút đơn khởi kiện. Ngày 04/11/2019 Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng sau đó ông T không trả nợ cho ông Ng theo thỏa thuận vì vậy ông Ng mới làm đơn khởi kiện lại vụ án. Ông Ng yêu cầu vợ chồng ông T, bà B (Búi) phải trả số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng từ khi vay đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, ngày 23/3/2021 ông Nguyễn Văn T chết. Trước đó, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, bị đơn ông Nguyễn Văn T khai: Ông T thừa nhận ngày 01/11/2014 âm lịch có vay của ông Ng số tiền 10.000.000 đồng để chi tiêu chung trong gia đình. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân ông T lại là thương binh 2/4, sức khỏe yếu không còn khả năng lao động nên xin được trả dần cho ông Ng mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Biên nhận nợ ngày 01/11/2014 âm lịch.

Bị đơn ông T cung cấp: Giấy chứng nhận thương binh (phô tô); Đơn xin miễn án phí ngày 24/12/2020.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn T ngày 24/9/2020; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 33/2019/QĐST-DS ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (các con ông T, bà B) được Tòa án

triệu tập nhiều lần thể hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do, làm ảnh hưởng đến thời gian giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ng trình bày, do ông T đã chết nên ông Ng chỉ yêu cầu bà Lưu Thị B chịu trách nhiệm trả nợ ông Ng, không yêu cầu bà B và các con của ông T trả phần nợ của ông T. Theo đại diện Viện kiểm sát, đây là số nợ do ông T vay nhằm mục đích chi tiêu chung trong gia đình nên bà B cũng phải có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ cho ông Ng. Vì vậy ông Ng yêu cầu bà B trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về việc đưa người vào tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 23/3/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn T chết, nên Tòa án đã đưa 03 người con của ông T, bà B là bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Mạnh Th, và ông Nguyễn Mạch H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong vụ án này, bà Lưu Thị B, cùng các con là bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Mạnh Th và ông Nguyễn Mạch H đồng thời cũng là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T.

Về sự có mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị B, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Mạnh Th và ông Nguyễn Mạch H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc tham gia tố tụng, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ng với bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông T là bà Lưu Thị B, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Mạnh Th và ông Nguyễn Mạch H) là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Cụ thể ông Ng cho rằng vào ngày 01/11/2014 âm lịch có cho ông T vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, sau khi vay ông T không trả nợ gốc và lãi cho ông Ng theo thỏa thuận. Vì vậy ông Ng mới khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà B trả số gốc là 10.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận. Nay ông T đã chết nên ông Ng chỉ yêu cầu bà B chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Ng, không yêu cầu các con của ông T, bà B chịu trách nhiệm liên đới.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ng trình bày: Do ông T đã chết, nên ông Ng chỉ yêu cầu một mình bà Lưu Thị B trả lại cho ông Ng $\frac{1}{2}$ số nợ chung của ông T và bà B còn nợ ông Ng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/09/2020 bị đơn ông Nguyễn Văn T thừa nhận ngày 01/11/2014 âm lịch có vay của ông Ng số tiền là 10.000.000 đồng để chi tiêu chung trong gia đình, nhưng do gia đình hoàn cảnh khó khăn nên ông T chưa có khả năng trả nợ cho ông Ng. Ông T xin được trả nợ dần với hình thức mỗi tháng trả 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Xét việc ông T thừa nhận có vay tiền của ông Ng nhưng không trả gốc và lãi cho ông Ng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu khởi kiện của ông Ng là có cơ sở chấp nhận. Đây là khoản nợ do ông T đứng ra vay của ông Ng, nhưng nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu chung trong gia đình. Vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà Lưu Thị B (vợ ông T) cũng phải có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ cho ông Ng.

Tổng số nợ gốc và lãi vợ chồng ông T, bà B còn nợ ông Ng từ ngày vay 01/11/2014 âm lịch (nhằm ngày 22/12/2014 dương lịch) đến ngày xét xử 18/9/2023 (104 tháng 26 ngày) là: Tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi (10.000.000 đồng x 1%/tháng x 104 tháng 26 ngày) là 10.486.000 đồng. Tổng cộng là 20.486.000 đồng (hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn). Đây là số nợ chung của vợ chồng ông T, bà B. Nên bà B phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ với số tiền là 10.443.000 đồng. Số tiền còn lại 10.443.000 đồng là thuộc nghĩa vụ ông T. Do ông T đã chết nên theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 những người thừa kế của ông T phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong phạm vi di sản do ông T để lại.

Tại phiên tòa, ông Ng trình bày do không biết khi qua đời ông T để lại di sản gì cho những người thừa kế vì vậy ông Ng chỉ yêu cầu bà B trả phần nợ của bà B trong khoản nợ chung, không yêu cầu những người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ trả phần nợ của ông T là 10.443.000 đồng.

Xét yêu cầu này của ông Ng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất chỉ buộc bà Lưu Thị B có trách nhiệm trả cho ông Ng $\frac{1}{2}$ khoản nợ chung là 10.443.000 đồng. Số nợ ông T có trách nhiệm trả (10.443.000 đồng) do ông Ng không yêu cầu những người thừa kế của ông T trả nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc bà B và các con của ông T, bà

B phải có nghĩa vụ trả số tiền này.

Về án phí: Bà Lưu Thị B phải chịu tiền án phí là 522.000 đồng (năm trăm hai mươi hai nghìn đồng). Tuy nhiên, xét thấy gia đình bà Lưu Thị B có hoàn cảnh khó khăn, bà B thuộc đối tượng người cao tuổi nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Lưu Thị B.

Ông Huỳnh Văn Ng được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004454 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông T là bà Lưu Thị B (Búi), bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Mạnh Th và ông Nguyễn Mạch H).

2. Buộc bà Lưu Thị B (Búi) có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn Ng số tiền là 10.443.000 đồng (mười triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đối với phần nợ ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho ông Ng là 10.443.000 đồng (mười triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng) do ông Ng không yêu cầu những người thừa kế của ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Lưu Thị B phải chịu tiền án phí là 522.000 đồng (năm trăm hai mươi hai nghìn đồng). Tuy nhiên, xét thấy gia đình bà Lưu Thị B có hoàn cảnh khó khăn, bà B thuộc đối tượng người cao tuổi nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Lưu Thị B.

Ông Huỳnh Văn Ng được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004454 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh